

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN PHONG  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2020.

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Minh Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nghiêm Đình Ché.

2. Ông Nguyễn Thế Long.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa:*

Bà Ngô Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04/6/2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997 (có mặt).

Trú tại: thôn Ch, xã D, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Trú tại: thôn Y, xã H, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời khai tại Toà án cũng như tại phiên tòa hôm nay của nguyên đơn trình bày thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào ngày 27/6/2016 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh T tại Y, xã H và cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, ham chơi, không tu chí làm ăn, anh T còn có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để ở thôn Ch, xã D từ tháng 3/2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 21/10/2014 hiện đang sống cùng anh T. Vợ chồng ly hôn, chị đồng ý cho anh T nuôi cháu Kim A theo nguyện vọng của anh T, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là 2.000.000đ/1 tháng.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh công nhận lời khai của chị H về điều kiện kết hôn, con chung là đúng. Theo anh T mâu thuẫn vợ chồng là có thật và nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có quan hệ với người phụ nữ khác bị chị H phát hiện. Sau đó anh T xin lỗi chị H nhưng chị H không tha thứ, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị H sống từ tháng 3/2017, anh T có gọi chị H quay về chung sống nhưng chị H không đồng ý. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nhưng vì anh thương con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 21/10/2014 hiện đang sống cùng anh T. Nếu vợ chồng buộc phải ly hôn thì anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Kim A, chị H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng, anh đồng ý.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Khi ly hôn chị đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 21/10/2014.

Về cấp dưỡng: Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 21/10/2014 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh T theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Yên Phong phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T không chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án vi phạm Điều 70 BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX.

Căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 21/10/2014 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 21/10/2014 cho anh Nguyễn Văn T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không xem xét.
4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[ 1 ] Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào ngày 27 tháng 6 năm 2016, có tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh. Việc kết hôn của chị H và anh T đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[ 2 ] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H HĐXX nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T là có thật và nguyên nhân chính là do anh T có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng xảy ra cãi cọ nhau, vợ chồng mất dần tình cảm, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải để các bên về đoàn tụ nhưng không thành, chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh T thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nhưng không đồng ý ly hôn vì thương con nhỏ nhưng anh T cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng vẫn sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Qua sự phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ theo điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T.

[ 3 ] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 21/10/2014 hiện đang sống cùng anh T. Khi ly hôn chị H đồng ý cho anh T nuôi cháu Kim A và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/ tháng. Xét thấy sự tự nguyện của chị H, phù hợp với quy định của pháp luật và được anh T đồng ý nên cần chấp nhận để giao cháu Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 21/10/2014 cho anh T nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 21/10/2014 cho anh T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Kim A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020.

Về tài sản chung, công nợ: Không có và không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 147; 239; 243; 248; 260; 264; 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 21/10/2014 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị H H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 21/10/2014 cho anh T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Kim A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020.

Chị H được quyền thăm nom con chung song không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của anh T và cháu Kim A. Không ai được cản trở quyền này của chị H.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung (Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001479, ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong). Chị H còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc ngày niêm yết kết quả bản án.

Trường bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- Toà án tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng khác.
- THA huyện Yên Phong.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Minh Nam**

